

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

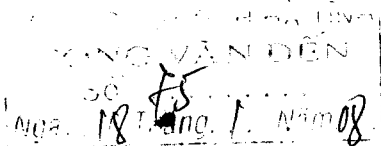
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /2008/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định đối tượng trợ cấp thường xuyên, trợ cấp đột xuất và
mức trợ giúp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Thông tư số 09/2007/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP;

Thực hiện Công văn số 4165/LĐTBXH-BTXH ngày 08/11/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị định số 67/2007/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện trợ cấp thường xuyên (hàng tháng) do xã, phường, thị trấn quản lý trên địa bàn Hà Tĩnh, gồm:

1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo.

Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hóa, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên.

2. Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo; người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo theo chuẩn nghèo được Chính phủ quy định cho từng thời kỳ.

3. Người từ 85 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội.

4. Người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ, thuộc hộ gia đình nghèo.

5. Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm và có kết luận bệnh mãn tính, sống độc thân không nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện hộ nghèo.

6. Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo.

7. Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi.

8. Hộ gia đình có từ 02 người trở lên tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ.

9. Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ dưới 16 tuổi; trường hợp con đang đi học văn hoá, học nghề được áp dụng đến dưới 18 tuổi.

Điều 2.

1. Đối tượng được trợ giúp đột xuất (một lần) là những người, hộ gia đình gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác gây ra, bao gồm:

a) Hộ gia đình có người chết, mất tích;

b) Hộ gia đình có người bị thương nặng;

c) Hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng;

d) Hộ gia đình bị mất phương tiện sản xuất, lâm vào cảnh thiếu đói;

đ) Hộ gia đình phải di dời khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét;

e) Người bị đói do thiếu lương thực;

g) Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú dẫn đến bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc;

h) Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, bệnh viện, cơ quan, đơn vị đứng ra tổ chức mai táng cho người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị chết, gia đình không biết để mai táng.

Điều 3. Mức trợ cấp thường xuyên và trợ cấp đột xuất, thời gian và nguồn kinh phí thực hiện:

1. Mức trợ giúp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội do xã, phường quản lý áp dụng theo mức tối thiểu là 120.000 đồng/người/tháng (Mức hưởng trợ cấp cho từng nhóm đối tượng cụ thể có Phụ lục kèm theo)

2. Mức trợ cấp đột xuất tùy thuộc vào tình hình thiệt hại, khả năng huy động nguồn lực và Ngân sách Nhà nước, UBND tỉnh sẽ có Quyết định cụ thể

3. Thời gian thực hiện: bắt đầu từ ngày 01/01/2008

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn đảm bảo xã hội đã được cân đối tại Quyết định số 72/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 và nguồn tăng thêm (do tăng mức trợ cấp và mở rộng đối tượng) được bổ sung từ ngân sách theo nguyên tắc đảm bảo cân đối thực hiện nhiệm vụ chi cụ thể cho các đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp thường xuyên trên địa bàn.

Điều 4. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, thống nhất các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn; Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định số 67 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 09 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập dự toán và phân bổ kinh phí cho các cấp ngân sách huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; kiểm tra việc phân bổ và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

3.1. Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội được quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định này, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp, trợ cấp xã hội trên địa bàn;

3.2. Chỉ đạo phòng Nội vụ - Lao động - TBXH và các phòng, ban liên quan:

- Hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trên địa bàn làm thủ tục, hồ sơ hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội; tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị trợ giúp xã hội của cấp xã, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét quyết định hưởng trợ cấp cho từng người cụ thể;

- Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, đảm bảo thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Quyết định này. Chỉ đạo cấp xã lập dự toán ngân sách chi trợ cấp, trợ giúp xã hội và thanh quyết toán kinh phí trợ cấp, trợ giúp theo chế độ hiện hành quy định;

3.3. Tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình, kết quả thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn về Sở Lao động -

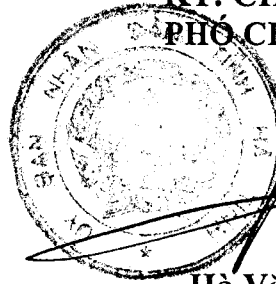
Thương binh và Xã hội trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm theo biểu mẫu quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, thủ trưởng các Ban, Ngành, các cơ quan đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, TM, TH, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Văn Thạch

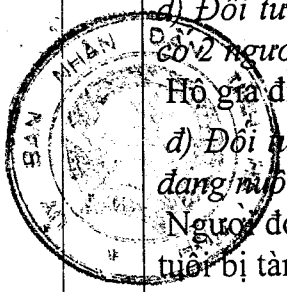
PHỤ LỤC

Kèm theo Quyết định số: 03/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2008
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

I. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng do xã, phường quản lý

TT	Đối tượng	Hệ số	Trợ cấp (nghìn đồng)
1	<p>a) <i>Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP từ 18 tháng tuổi trở lên, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng;- Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của Pháp luật;- Trẻ em có cha và mẹ; hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng;- Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên. <p>b) <i>Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo;- Người cao tuổi còn vợ hoặc chồng, nhưng gia yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo. <p>c) <i>Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP:</i> Người từ 85 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng.</p> <p>d) <i>Đối tượng không có khả năng lao động quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP:</i> Người tàn tật nặng không có khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo.</p> <p>đ) <i>Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP, đang nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên:</i> Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ từ 18 tháng tuổi đến dưới 16 tuổi; trường hợp con đang đi học văn hoá, học nghề được áp dụng đến dưới 18 tuổi.</p>	1,0	120
2	<p>a) <i>Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP dưới 18 tháng tuổi, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng;- Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ Luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của Pháp luật;- Trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng.	1,5	180

	<p>b) <i>Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; - Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của Pháp luật; - Trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trạm giam, không còn người nuôi dưỡng. - Trẻ em nhiễm HIV/AIDS, thuộc hộ gia đình nghèo; - Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên. <p>c) <i>Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP tàn tật nặng, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người cao tuổi cô đơn thuộc hộ gia đình nghèo, tàn tật nặng; - Người cao tuổi còn vợ hoặc chồng, nhưng già yếu, tàn tật nặng, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo. <p>d) <i>Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP:</i> Người tâm thần mãn tính sống độc thân không nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện hộ nghèo.</p> <p>đ) <i>Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP:</i> Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo.</p> <p>e) <i>Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi, từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc nhiễm HIV/AIDS:</i> Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo đang nuôi con nhỏ dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.</p>		
3	<p>a) <i>Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; - Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của Pháp luật; - Trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trạm giam, không còn người nuôi dưỡng. - Trẻ em nhiễm HIV/AIDS, thuộc hộ gia đình nghèo. <p>b) <i>Đối tượng không có khả năng tự phục vụ quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP:</i> Người tàn tật nặng, không tự phục vụ được, thuộc hộ gia đình nghèo.</p> <p>c) <i>Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP nhận nuôi dưỡng trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên:</i> Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi từ 18 tháng tuổi trở lên.</p>	2,0	240



	<p>d) Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP có 2 người tàn tật nặng: Hộ gia đình có 2 người tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ.</p> <p>d) Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS: Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo đang nuôi con nhỏ dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.</p>		
4	<p>Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP nhận nuôi trẻ em, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi dưới 18 tháng tuổi; - Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS. 	2,5	300
5	<p>a) Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP nhận nuôi trẻ em dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS: Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.</p> <p>b) Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP có 3 người tàn tật nặng: Hộ gia đình có 3 người tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ.</p>	3,0	360
6	<p>Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP có 4 người tàn tật nặng: Hộ gia đình có 4 người tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ.</p>	4,0	480

II. Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cơ sở bảo trợ xã hội:

TT	Đối tượng	Hệ số	Trợ cấp
1	Đối tượng nuôi dưỡng tại Làng trẻ em mồ côi		
	<p>Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; - Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của Pháp luật; - Trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; - Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên; - Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo. 		450

2	Đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm bảo trợ xã hội		
	<p>a, <i>Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo; - Người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo. <p>b, <i>Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ, thuộc hộ gia đình nghèo. <p>c) <i>Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP:</i></p> <p>Người bị tâm thần mãn tính.</p> <p>d) <i>Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP:</i></p> <p>Người bị nhiễm HIV/AIDS.</p>		350

III. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong nhà xã hội tại cộng đồng do xã, phường quản lý

TT	Đối tượng	Hệ số	Trợ cấp
	<p>a) <i>Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; Trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; - Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của Pháp luật; - Trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; - Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo; - Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên. <p>b) <i>Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP, không có điều kiện sống tại gia đình, gồm :</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo; - Người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo. <p>c) <i>Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định 67/2007/NĐ-CP:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động thuộc hộ gia đình nghèo, không có điều kiện sống tại gia đình. 	2,0	240

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH